TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - PT
Ngày: 23 - 02 - 2022
"Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 24/9/2021 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2517/2021/QĐ-PT ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị S, sinh năm 1955; địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Luật sư Phạm Hữu V – Công ty luật TNHH Đ; Địa chỉ: Số 44, đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hương T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Đại Đ, sinh năm: 1947; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Đại Đ:* Ông Lê Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Cao Hồng P, sinh ngày: 10/11/2004; Địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Năm 2004, ông Lê Đại Đ có quan hệ với con gái bà là chị Cao Thị C, sinh năm 1980; trú tại: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Ngày 10/11/2004 chị C sinh cháu Cao Hồng P, chị C là người khuyết tật nặng, không có khả năng lao động, vì bệnh tật nên năm 2019 chị C đã qua đời. Mặc dù biết rõ cháu P là con đẻ của mình nhưng ông Đ không hề có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, để mặc cháu c cho vợ chồng bà S nuôi dưỡng. Vợ chồng bà S phải nuôi dưỡng chăm sóc cháu P từ khi mới đẻ vì chị C là người khuyết tật về thần kinh lúc tỉnh, lúc mê, không có khả năng chăm sóc con, không có khả năng lao động, chỉ hưởng trợ cấp hàng tháng được vài trăm ngàn đồng, chưa đủ trang trải cho bản thân.

Khi chị C đang còn sống thì chị C và cháu P được hưởng chế độ của Nhà nước về việc xóa mái tranh nghèo và được hỗ trợ để làm nhà nên lúc đó hai mẹ con sống cùng với nhau. Sau khi chị C mất, cháu P vẫn ở tại ngôi nhà để thờ phụng mẹ và ở gần nhà bà S để nương tựa. Tháng 12/2020, bà S khởi kiện để yêu cầu ông Đ nhận cháu Cao Hồng P là con đẻ của ông Đ; ngày 17/02/2021 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 12/2020/QĐST-HNGĐ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, công nhận cháu P là con đẻ của ông Đ. Hiện nay, cháu P không có nguyện vọng sống cùng ông Đ mà đang sống trong căn nhà được nhà nước hỗ trợ xây dựng.

Nay bà Đinh Thị S khởi kiện ông Lê Đại Đ nội dung sau:

1 – Yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho cháu P (bao gồm chi phí ăn uống, sinh hoạt, học tập, thuốc men...) kể từ thời điểm Tòa án công nhận ông Đ là cha đẻ của cháu P từ tháng 02/2021 đến tháng 11/2021 (khi cháu P đủ 18 tuổi) là 21 tháng x 4.000.000 đồng/ tháng = 84.000.000 đồng (yêu cầu cấp dưỡng một lần);

2 – Yêu cầu ông Đ phải hoàn trả lại số tiền mà bà S đã bỏ ra để nuôi cháu P từ khi mới sinh (10/11/2004 đến tháng 11/2021) gồm: tiền ăn uống, tiền thuốc men, tiền học tập, tiền mua sắm phương tiện cá nhân, chi phí sinh hoạt khác...) trung bình

mỗi tháng 2.000.000 đồng x 194 tháng = 388.000.000 đồng. Tổng cộng: 472.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

3 – Yêu cầu ông Đ chu cấp chi phí học tập, nếu cháu P học nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông và chi phí khác để mua sắm phương tiện, chăm sóc sức khỏe nếu có phát sinh thì đề nghị chu cấp theo thực tế nhu cầu sử dụng.

* Bị đơn ông Lê Đại Đ tại bản tự khai ngày 16/6/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Trước thời điểm 02/2021, ông Đ hoàn toàn không biết cháu Cao Hồng P là con đẻ của mình, sau khi xét nghiệm ADN có kết quả thì ông mới biết cháu P là con trai của ông và ông hoàn toàn nhất trí.

Việc bà S khởi kiện yêu cầu ông phải cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hồng P chia làm hai giai đoạn với số tiền 472.000.000 đồng thì ông không nhất trí. Bởi vì: Hiện tại ông đã 75 tuổi, già yếu, mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, xơ vữa động mạch vành thành bụng, đại tràng, viêm họng và ho, thường xuyên đi bệnh viện để điều trị. Ngoài ra ông còn phải chăm sóc, nuôi dưỡng, chữa bệnh cho con trai ông của ông là anh Lê Hải T bị bệnh tâm thần phân liệt đặc biệt nặng, hiện tại đang đau ốm nằm liệt giường, không có ý thức, nên rất khó khăn cho ông Đ trong việc chăm sóc con. Hiện tại lương hưu của ông Đ được hưởng là 3.152.000 đồng, ngoài ra không có thu nhập gì thêm nên ông có ý kiến như sau:

Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con Cao Hồng P 1.000.000 đồng/tháng (đến khi con trưởng thành); nuôi anh Lê Hải T 1.000.000 đồng; còn lại 1.152.000 đồng ông chi tiêu ăn uống, sinh hoạt, thuốc men, chữa bệnh cho ông. Ông không nhất trí yêu cầu của bà Đinh Thị S về việc yêu cầu ông phải cấp dưỡng từ khi mới sinh đến nay, vì ông cho rằng ông hoàn toàn không biết cháu Cao Hồng P là con ông. Hơn nữa chị Cao Thị C là mẹ đẻ của cháu Cao Hồng P có hộ khẩu riêng, có nhà riêng, được Đảng và Nhà nước hỗ trợ giúp đỡ về kinh tế thì chị C và cháu P không liên quan đến kinh tế với bà S, chị C tự nguyện nuôi con một mình mà không yêu cầu ông Đ phải đóng góp nuôi dưỡng, lúc chị C đang còn sống chị C có quyền thông báo cho ông Đ biết cháu P là con đẻ của ông Đ, có quyền yêu cầu ông Đ cùng mình thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Đ không chấp nhận thì chị C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Những quyền này chị C không thực hiện, cũng không yêu cầu Tòa án công nhận ông Đ là cha đẻ cháu P là lỗi của chị C chứ không phải lỗi của ông Đ. Nếu bà S có tài chính, có kinh tế mà hỗ trợ cho con gái và cháu ngoại mình thì cũng là lẽ thường tình. Vì vậy, việc bà S khởi kiện để yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con từ (10/11/2004 đến tháng 01/2021) trung bình mỗi tháng 2.000.000 đồng x 194 tháng = 388.000.000 đồng và từ tháng 02/2021 đến tháng 11/2022 (lúc đó cháu P đủ

18 tuổi) là 21 tháng x 4.000.000 đồng/ tháng = 84.000.000 đồng. Tổng cộng: 472.000.000 đồng thì ông không nhất trí.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Cao Hồng P tại bản tự khai ngày 18/8/2021, quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Cháu là con của chị Cao Thị C (hiện nay đã mất) con của ông Lê Đại Đ; Cháu ngoại của bà Đinh Thị S, việc bà S khởi kiện ông Đ cháu không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc bà S khởi kiện để yêu cầu ông Đg phải cấp dưỡng tiền nuôi con từ lúc cháu P sinh cho đến hôm nay tổng cộng: 472.000.000 đồng cháu P có ý kiến: Bà S khởi kiện ông Đ, cháu cũng nhất trí, bởi vì trước đây bà đã cưu mang giúp đỡ mẹ con cháu P, sau khi mẹ cháu P mất, bà S là người đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu; cháu P cũng đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu ông Đ hỗ trợ cho bà S một khoản tiền bù đắp trước đây bà S đã giúp đỡ mẹ con cháu P; cháu cũng nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 02/2021 đến lúc cháu trưởng thành, hiện tại cháu đã nhận tiền cấp dưỡng từ ông Đ 02 tháng (15/9/2021 đến 15/11/2021).

Tòa án đã tiến hành xác minh mức thu nhập của ông Đ như sổ lương hưu mà ông đã cung cấp, hiện tại mức lương hưu của ông Đ có mức lương 3.152.000 đồng.

Tại Bản án số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 68, 69, 71, 82, 110, 116, 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 274 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một số yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị S đối với bị đơn ông Lê Đại Đ về việc cấp dưỡng nuôi con.

1.1. Xử buộc ông Lê Đại Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Cao Hồng P, sinh ngày 10/11/2004 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu

đồng) kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu Cao Hồng P đủ 18 tuổi, trừ 02 tháng ông Đ đã cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho cháu P (từ ngày 15/9/2021 đến ngày 15/11/2021). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị S về việc yêu cầu ông Lê Đại Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hồng P trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 01/2021 với số tiền 3.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 02/2021 cho đến lức cháu P tròn 18 tuổi.

1.2. Xử buộc ông Lê Đại Đ hỗ trợ lại cho bà Đinh Thị S số tiền 45.000.000 đồng; Không chấp nhận một phần số tiền bà S yêu cầu ông Đ hoàn trả lại cho bà là 343.000.000 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc buộc ông Lê Đại Đ chu cấp cho cháu Cao Hồng P sau khi đã thành niên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về miễn án phí dân sự sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/10/2021, bà Đinh Thị S có đơn kháng cáo với nội dung: Bà S yêu cầu ông Lê Đại Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hồng P kể từ ngày có quyết định Công nhận cha con là tháng 02/2021 đến khi cháu Cao Hồng P đủ 18 tuổi là 21 tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng tổng cộng là 84.000.000 đồng; Buộc ông Lê Đại Đ phải bồi hoàn cho bà S số tiền mà bà S đã bỏ ra nuôi cháu Cao Hồng P kể từ khi sinh ra ngày 10/11/2004 đến lúc nhận cha cho con vào tháng 02/2021 gồm 194 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng tổng cộng là 388.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo, cung cấp các tài liệu xác định, ngoài lương hưu, ông Đ còn có thu nhập thêm từ đất trồng rừng sản xuất 07 ha tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Bà S cung cấp xác nhận của UBND xã T, ông Đ hiện đang đứng tên thửa số 504, diện tích 51.353m^2, thửa đất số 525, diện tích 19.136m^2, thửa đất số 109 diện tích 668m^2 và trình bày ông Đ còn có thu nhập từ việc cho vay lấy lãi từ những hộ dân ở xã T.

Bị đơn ông Đ trình bày: Ông có 07 ha rừng sản xuất nhưng do tuổi cao nên ông đã giao lại cho các con của ông để trồng cây keo tràm, ông không thu hoạch và hiện nay, ông đã di chúc đất rừng lại cho con, chưa làm thủ tục ở cơ quan có thẩm quyền. Do đó ông, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, ông đề nghị xem xét lại khoản tiền hỗ trợ 45.000.000 đồng cho bà Sỹ mà án sơ thẩm đã tuyên. Đồng thời ông cũng trình bày, sau này, khi anh P tròn 18 tuổi thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng, nuôi dưỡng đối với ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, buộc ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là tháng 11/2022, tương ứng với số tiền 84.000.000 đồng và chấp nhận số tiền bà S yêu cầu 388.000.000 đồng về việc buộc ông Đ cấp dưỡng trong thời gian từ khi cháu P sinh ra cho đến ngày công nhận ông Đ là cha đẻ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Tòa án: chấp nhận việc ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà S. Vì có căn cứ cho rằng ông Đ có thu nhập khác ngoài lương hưu. Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi; chấp nhận việc ông Đ hỗ trợ số tiền 45.000.000 đồng cho bà S và không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc cấp dưỡng nuôi cháu P từ khi cháu sinh ra (tháng 11/2004) cho đến khi có quyết định công nhận cha con của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy vào tháng 02/2021.

Về án phí: Miễn án phí cấp dưỡng cho ông Đ vì là người cao tuổi. Miễn án phí phúc thẩm cho bà Đinh Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị S trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định, vụ án được xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Về quyền khởi kiện: Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng Bình đã công nhận ông Lê Đại Đ là bố đẻ của cháu Cao Hồng P, sinh

ngày 10/11/2004. Như vậy cháu P có bố đẻ là ông Lê Đại Đ, mẹ là Cao Thị C, chị C chết ngày 06/01/2019, cháu Phúc do bà Đinh Thị S (bà ngoại) đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó bà S có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu P là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện cháu P sinh ngày 10/11/2014, như vậy, tại thời điểm bà S khởi kiện ngày 05/3/2021 cháu P chưa tròn 18 tuổi, như vậy, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P là đúng quy định tại Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Bản án sơ thẩm buộc ông Lê Đại Đ cấp dưỡng là đúng pháp luật và có căn cứ

[2] Xét kháng cáo của bà Đinh Thị S yêu cầu ông Lê Đại Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hồng P kể từ ngày có quyết định Công nhận cha con là tháng 02/2021 đến khi cháu Cao Hồng P đủ 18 tuổi là 21 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng tổng cộng là 84.000.000 đồng; Buộc ông Lê Đại Đ phải bồi hoàn cho bà S số tiền mà bà S đã bỏ ra nuôi cháu Cao Hồng P kể từ khi sinh ra ngày 10/11/2004 đến lúc nhận cha cho con vào tháng 02/2021 gồm 194 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng tổng cộng là 388.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy

Do đã có quyết định của Tòa án về việc xác định ông Đ là bố đẻ cháu P nhưng ông Đ chưa thực hiện nghĩa vụ về nuôi dưỡng, cũng như cấp dưỡng nuôi cháu P. Hiện nay, cháu P chưa đủ 18 tuổi – là người chưa thành niên, đang sinh sống tại căn nhà của mẹ là chị Cao Thị C, chị C đã chết năm 2019. Theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Trường hợp nếu cháu P còn mẹ thì ông Đ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con để cùng với chị C nuôi dưỡng cháu. Nhưng hiện nay, cháu không còn mẹ nên trách nhiệm nuôi dưỡng chính là của ông Đồng.

[3]. Xét kháng cáo về mức cấp dưỡng:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, thấy mức thu nhập của ông Lê Đại Đ được chứng minh qua sổ lương hưu là 3.152.000 đồng, ông Đồng đồng ý cấp dưỡng số tiền 1.000.000 đồng cho cháu Phúc và trình bày 1.000.000 đồng nuôi 01 người con đang bị tâm thần phần liệt đặc biệt nặng (theo ông Đồng trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, thì người con đã chết cách đây khoảng 02 tháng, phải vay mượn để lo tang lễ).

Tuy nhiên, hoàn cảnh của cháu Cao Hồng P khó khăn, đang là học sinh, mẹ mất, không có người trực tiếp chăm sóc, chỉ nhờ bà ngoại là bà Đinh Thị S hỗ trợ, nếu bà C còn sống thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp; nhưng hiện tại với số tiền 1.000.000 đồng/tháng thì sẽ rất khó khăn cho cháu trong việc nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt cũng như học tập. Về

nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng và chăm sóc không phải của bà Đinh Thị S đóng góp cấp dưỡng mà phải là trách nhiệm của ông Lê Đại Đ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét lại mức cấp dưỡng để đảm bảo sự phát triển cho cháu P – là người chưa thành niên.

Tại giai đoạn phúc thẩm, phía nguyên đơn có cung cấp các tài sản là đất rừng sản xuất của ông Lê Đại Đ, có xác nhận của chính quyền địa phương, ông Đ hiện đang đứng tên thửa số 504, diện tích 51.353m^2, thửa đất số 525, diện tích 19.136m^2, thửa đất số 109 diện tích 668m^2 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Mặc dù ông Đ cho rằng đã di chúc tặng cho lại cho các con của ông nhưng theo quy định thì di chúc chưa có hiệu lực pháp luật, ông Đ chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ai nên xác định đây là tài sản của ông Lê Đại Đ, như vậy, đây là chứng cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về tài sản và thu nhập của ông Đ.

Hiện nay, theo ông Đ trình bày thì anh Lê Hải T (là con của ông Đ bị tâm thần phân liệt) đã chết cách đây 02 tháng, vì vậy ông Đ không còn cấp dưỡng, nuôi dưỡng cho anh T.

Từ những phân tích trên, cần áp dụng Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, xác định khả năng thực tế của người cấp dưỡng là ông Lê Đại Đ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là cháu Cao Hồng P, Hội đồng xét xử quyết định sửa án sơ thẩm để tăng thêm mức cấp dưỡng cho cháu P là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Nghĩ nên buộc ông Đ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng cho cháu P kể từ tháng 02/2021 đến khi cháu tròn 18 tuổi là phù hợp. Xét điều kiện của ông Đ thì cần buộc cấp dưỡng hằng tháng và trừ 2.000.000 đồng cháu P đã nhận từ ông Đ.

Mức cấp dưỡng có thể thay đổi nếu sau này không còn phù hợp và các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà S về việc yêu cầu ông Đ bồi hoàn cho bà S số tiền mà bà S đã bỏ ra nuôi cháu Cao Hồng P kể từ khi sinh ra ngày 10/11/2004 đến lúc nhận cha cho con vào tháng 02/2021 gồm 194 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng tổng cộng là 388.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Đây là thời gian cháu P sinh ra và được chị C nuôi dưỡng vì chưa có quyết định công nhận ông Lê Đại Đ là cha của cháu P, do đó chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù hợp pháp luật.

Xét việc cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đ hỗ trợ 45.000.000 đồng cho bà S, ông Đ không kháng cáo nội dung này, nhưng tại phiên tòa trình bày đề nghị xem xét lại, Hội đồng xét xử thấy: Lời trình bày của cháu P thể hiện, mẹ bị bệnh thần kinh, 02 mẹ con ở riêng nhưng vẫn nhận được sự giúp đỡ thường xuyên của bà S. Năm 2019,

mẹ cháu P mất, bà S tiếp tục cấp dưỡng, giúp đỡ trong việc ăn uống, học tập là có thật. Xét việc bà S cung cấp chứng cứ là chị C có sổ tâm thần phân liệt, được cấp thuốc điều trị từ năm 2017, chị C chết năm 2019, từ khoảng thời gian 2017 đến tháng 02 năm 2021 khi có quyết định công nhận ông Đ là cha cháu P, mặc dù chưa phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng cháu P được xác định là do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Mặc dù ông Đ không đồng ý, nhưng xét về trách nhiệm cũng như đạo đức xã hội, sau khi xem xét tình hình thực tế cũng như điều kiện hoàn cảnh của bà S và gia đình cháu P, cấp sơ thẩm buộc ông Đ hỗ trợ cho bà S số tiền 45.000.000 đồng là phù hợp. Tuy ông Đ không kháng cáo nhưng có trình bày tại phiên tòa này, nhưng Hội đồng cũng xem xét để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí. Kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị S được chấp nhận một phần nên bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 68, 69, 71, 82, 110, 116, 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 274 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đinh Thị S, sửa bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 24/9/2021 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị S đối với bị đơn ông Lê Đại Đ về việc cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Lê Đại Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Cao Hồng P, sinh ngày 10/11/2004 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu Cao Hồng phúc đủ 18 tuổi, công nhận ông Đ đã cấp dưỡng cho cháu P số tiền 2.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị S về việc yêu cầu ông Lê Đại Đồng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Hồng Phúc trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 01/2021 với số tiền 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 02/2021 cho đến lức cháu P tròn 18 tuổi.

2. Xử buộc ông Lê Đại Đ hỗ trợ lại cho bà Đinh Thị S số tiền 45.000.000 đồng; không chấp nhận một phần số tiền bà S yêu cầu ông Đ hoàn trả lại cho bà là 343.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc buộc ông Lê Đại Đ chu cấp cho cháu Cao Hồng P sau khi đã thành niên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đinh Thị S và ông Lê Đại Đ, do là người cao tuổi.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Đinh Thị S không phải chịu.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi sất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 23/02/2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P9);
- TAND, Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Đức Long